

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

Bản án số: 55/2021/DS-PT

Ngày 23/12/ 2021

V/v: “Tranh chấp dân sự
về huê (huê)”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang

Các Thẩm phán: Ông Hàng Lâm Viên và bà Ngô Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Ông Nguyễn Văn Thắng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2021/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp dân sự về huê (huê)*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đạo Thị Thanh Tr - sinh năm 1971 (có mặt).

Bị đơn: Bà Thành Thị Kim T – sinh năm 1972 (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tài Thị Hoa L – sinh năm 1996 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Thành Thị Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Đạo Thị Thanh Tr trình bày:

Năm 2007, bà làm nghề nấu rượu nên có bỏ rượu cho bà Thành Thị Kim T, vì vậy bà T có rủ bà chơi huê do bà T làm cái huê. Tuy nhiên sau khi hốt nhiều phần huê, bà T không đưa cho bà tiền huê. Qua nhiều lần đòi mà bà T không trả nên ngày 26/11/2010, giữa bà và bà T chốt lại số tiền nợ huê còn thiếu là 120.000.000^d. Trong quá trình chơi huê bà Tuyến có nhờ bà vay thêm số tiền 30.000.000^d. Tổng cộng số tiền theo giấy vay tiền ngày 26/11/2010 là 150.000.000^d gồm 120.000.000^d tiền huê và 30.000.000^d tiền vay. Giấy vay tiền

do con gái bà T là Tài Thị Hoa L viết, chữ ký của bà T cũng do cháu L ký. Do hai bên đã chốt lại số tiền 150.000.000^d nên bà không còn giữ giấy tờ, chứng cứ về tiền huê.

Ngoài ra, năm 2009 giữa bà và bà T có chơi huê mùa do bà T làm cái, huê có giá là 2.000.000^d, có 17 người chơi, bà đã đóng cho bà T được 07 mùa thì bà T tuyên bố vỡ huê. Đến nay, bà T vẫn chưa đưa cho bà lại số tiền nợ huê này, bà chỉ yêu cầu bà T trả cho bà số tiền huê mùa 5.500.000^d.

Năm 2009, bà làm cái huê, huê có giá 2.000.000^d, gồm 22 phần huê và thỏa thuận hoa hồng 500.000^d, huê mần vào vụ đông xuân năm 2016. Tổng số tiền bà giao cho bà T là 22.044.000^d. Từ khi hót huê, bà T đóng huê chết không đều mà chỉ đóng cho bà được 10 mùa rưỡi, số tiền bà T còn nợ lại của bà là 21.000.000^d. Năm 2011, bà T ngỏ lời để bà mua hai phần huê của bà Tài Thị Kim Th, giá huê là 500.000^d, tuy nhiên qua hai lần hót huê, số tiền bà được nhận là 17.240.000^d nhưng bà T chỉ giao cho bà 7.000.000^d, như vậy bà T còn nợ bà hai phần huê là 9.700.000^d. Mọi giao dịch huê từ trước đến nay, bà chỉ thực hiện với bà T, không liên quan gì đến chồng bà T là ông Tài Văn H. Khi giao tiền huê, chỉ có một mình bà và bà T hoặc có cháu L đi nhận huê giùm, bà cũng không thấy ông H ở nhà khi giao nhận tiền huê. Do vậy bà chỉ khởi kiện yêu cầu một mình bà T phải trả tiền nợ huê cho bà tổng cộng số tiền 186.200.000^d gồm 150.000.000^d theo giấy vay tiền, 9.700.000^d số tiền mua huê, 26.500.000^d số tiền huê bà T còn thiếu và tiền lãi phát sinh trên số tiền vay 150.000.000^d với lãi suất 10%/tháng từ năm 2010 cho đến nay. Quá trình tố tụng, bà Tr rút một phần yêu cầu khởi kiện: chỉ yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền 155.500.000^d gồm 150.000.000^d theo giấy vay tiền ngày 26/11/2010 và 5.500.000^d tiền huê mùa, bà không yêu cầu tính lãi trên số tiền 155.500.000^d.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền vay 30.000.000^d, chỉ buộc bà T phải trả cho bà tổng số tiền là 125.500.000^d và không tính lãi trên số tiền này.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Tài Thị Kim T trình bày:

Bà Đạo Thị Thanh Tr có chơi huê của bà do bà làm cái huê, huê mần đã lâu nên bà không nhớ cụ thể từng phần huê như thế nào. Do bể huê nên bà xin bà Tr xác định số tiền nợ huê là 120.000.000^d, còn 30.000.000^d là do phía bà Tr tính tiền lời trên số tiền 120.000.000^d, hai bên thỏa thuận đến năm 2015 sẽ trả hết số tiền. Về giấy vay tiền ngày 26/11/2010 là do con gái bà là Tài Thị Hoa L viết, chữ ký và chữ viết đều là của con bà, bà là người chứng kiến và xác nhận số nợ trên. Việc cháu L ghi tên chồng bà là Tài Văn H vào giấy vay tiền là do bà Tr bảo ghi, số tiền này không liên quan đến ông Tài Văn H; bà chơi huê và vay tiền bà Tr để sử dụng mục đích cá nhân, không phải chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. Sau đó, bà

có làm cái huê mùa, huê 2.000.000^d/1 phần huê, có 16 phần, mở huê năm bao nhiêu bà không nhớ, bà Tr có tham gia phần huê mùa này và xúng được 07 phần thì bẻ huê, vì vậy bà xin các nhà con thối lại tiền đóng huê là 5.500.000^d/ 1phần. Bà xác định chỉ còn nợ của bà Tr là 120.000.000^d đồng và tiền nợ huê do bị bẻ huê là 5.500.000^d, tổng cộng 125.500.000^d. Tuy nhiên bà không đồng ý trả số tiền trên cho bà Tr vì bà Tr chưa đóng đủ tiền huê chết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tài Thị Hoa L trình bày:

Trước năm 2010, mẹ bà là Thành Thị Kim T làm cái huê, thỉnh thoảng bà đi thu tiền huê cho mẹ nếu mẹ nhờ. Khi huê bị vỡ bà Tr xác nhận với mẹ bà tổng số tiền nợ huê là 120.000.000^d. Ngoài ra bà Tr tính thêm 30.000.000^d đồng là tiền lời trên số tiền 120.000.000^d. Vì muốn êm xui nên mẹ bà đồng ý xác nhận số tiền nợ bà Tr là 150.000.000^d. Vào ngày 26/11/2010, bà Tr đến nhà bà yêu cầu gia đình bà xác nhận số tiền nợ là 150.000.000^d. Tại thời điểm này, do mẹ bà không biết chữ nên bà là người trực tiếp viết giấy nhận nợ, viết theo nội dung do bà Tr đọc. Trong đơn vay tiền có ghi tên ông Tài Văn H, tuy nhiên ông H không liên quan gì đến việc xác nhận số nợ này vì cha bà đi rừng lấy củi, không hề chứng kiến việc bà viết giấy vay tiền như bà Tr trình bày. Đối với giấy cam kết ngày 06/3/2012, xác nhận số tiền nợ huê là 14.000.000^d, giấy cam kết này do bà viết và tự ký. Bà xác nhận mẹ bà Thành Thị Kim T có nợ tiền huê của bà Đạo Thị Thanh Tr, nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu thì bà không nắm rõ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Thành Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho bà Đạo Thị Thanh Tr số tiền 125.500.000^d (Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đạo Thị Thanh Tr đối với số tiền vay 30.000.000^d và số tiền huê 30.700.000^d. Bà Đạo Thị Thanh Tr có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền và nghĩa vụ của các bên thi hành án dân sự theo quy định của Luật thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/10/2021, bị đơn bà Thành Thị Kim T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bà T chỉ trả cho bà Tr số tiền 65.500.000^d.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn không thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà T đã xác nhận còn nợ bà Tr số tiền huê 120.000.000^d theo giấy vay tiền ngày 26/11/2010 và nợ tiền huê mùa 5.500.000^d, tổng 125.500.000^d. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự bác toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ và được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của các đương sự, cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp : “Tranh chấp dân sự về hui (huê)”. Tòa án sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết tranh chấp đúng thẩm quyền, thủ tục theo quy định khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Thành Thị Kim T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Quá trình tố tụng cả hai bên đương sự đều thừa nhận: “nội dung giấy vay tiền ghi ngày 26/11/2010 số tiền 150.000.000^d do con gái bà Tuyền là Tài Thị Hoa L ghi và ký tên. Thực chất tiền vay 120.000.000^d là nợ tiền hui (huê), số tiền còn lại 30.000.000^d nội dung vay giùm là do bà Tr tính lãi nợ tiền hui cộng vào”.. Việc vay tiền không có thật, số tiền vay được chuyển hóa từ tiền hui, giấy vay tiền là giao dịch giả tạo nhằm che dấu việc nợ tiền hui. Tuy nhiên, sau khi viết xong giấy vay tiền bà T không trình báo cơ quan có thẩm quyền về việc mình bị ép buộc viết giấy vay nợ để được xem xét giải quyết theo quy định. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2021, biên bản hòa giải trong các ngày 29/6/2021 và ngày 07/9/2021 bà Thành Thị Kim T đều thừa nhận bà còn nợ tiền hui của bà Tr gồm: 120.000.000^d theo giấy vay tiền và 5.500.000^d đối với dây hui mùa, tổng cộng

125.500.000^d. Sự thừa nhận của bị đơn là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc góp hội giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại điều 479 Bộ luật Dân sự 2005, điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hội, biểu, phường. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Bà T kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà Tr số tiền 65.500.000^d vì cho rằng giữa bà và bà Tr có thỏa thuận về việc chỉ thanh toán ½ số tiền theo giấy vay ngày 26/11/2010 hay lý do bà Tr chưa đóng đủ các phần hội chết nhưng bà T không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu 6.275.000^d án phí dân sự sơ thẩm tương ứng nghĩa vụ trả tiền. Bà Tr được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Tuyến phải chịu 300.000^d án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điều 39, khoản 1 điều 147, khoản 1 Điều 148, điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hội, biểu, phường; Khoản 2 điều 26 và khoản 1 điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Thành Thị Kim T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đạo Thị Thanh Tr.

Buộc bà Thành Thị Kim T có nghĩa vụ phải trả cho bà Đạo Thị Thanh Tr số tiền hui (huê) còn nợ là 125.500.000^d (*Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Thành Thị Kim T phải chịu 6.275.000^d (*Sáu triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Đạo Thị Thanh Tr số tiền 4.695.000^d (*Bốn triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024676 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Thành Thị Kim T phải chịu số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003230 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 23/12/2021).

Nơi nhận:

- TAND huyện Ninh Hải;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang

